TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO PHONG** **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST
Ngày 20/9/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO PHONG, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Thắng

Bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Ngọc Mai - Thư ký Toà án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại Điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình và Điểm cầu thành phần Hội trường Công an huyện Cao Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 74/2022/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2022/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Bùi Đức T** – Sinh năm 1999 *(Có mặt)*

Bị đơn: Chị **Bùi Thị H** – Sinh năm 2001 (*Vắng mặt không lý do)*

Cùng cư trú tại: Xóm B, xã T, huyện C, H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện,bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Bùi Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị H tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thạch Yên, huyện Cao Phong ngày 03/12/2020. Sau khi kết hôn chị H chuyển khẩu về xóm Bợ, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong sống chung cùng bố mẹ anh, sau khi kết hôn được vài tháng thì hai bên nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lạc Sơn để sinh sống rồi đi làm công nhân khu công nghiệp ở Bắc Giang, anh cũng đi làm ở Hà Nội, hai vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân, hai vợ chồng cũng ít liên hệ với nhau nên việc hàn gắn tình cảm là rất khó, chủ yếu nhắn tin gọi điện là cãi, chửi nhau. Nay anh

xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn gia đình trầm trọng vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cao Phong giải quyết cho anh được ly hôn với chị Bùi Thị H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống anh và chị Bùi Thị H không có con chung, vì vậy anh không yêu cầuTòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía chị Bùi Thị H: Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có kết quả, chị H vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án gửi cho Tòa án.

** Tại biên bản xác minh ngày 05/8/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong tại chính quyền địa phương nơi cư trú và gia đình của chị Bùi Thị H có nội dung:*

Anh Bùi Văn T và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Uỷ ban nhân dân xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, có về xã tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và sinh sống tại xã Thạch Yên. Vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở Lạc Sơn để sinh sống sau đó đi làm công nhân khu công nghiệp ở Bắc Giang, còn anh T cũng đi làm ăn xa. Hai vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, vì vậy khả năng đoàn tụ là rất khó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình công nhận việc chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và các đương sự từ khi thụ lý đến trước khi HĐXX nghị án.

- Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Đức T xin ly hôn với chị Bùi Thị H. Anh T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Bùi Đức T khởi kiện chị Bùi Thị H là vụ án dân sự tranh chấp "Ly hôn", căn cứ vào sổ hộ khẩu chị H có nơi cư trú tại Xóm Bợ, xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình, nên vụ án thuộc thẩm quyền

giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 05/9/2022, nguyên đơn anh T có mặt, bị đơn chị H vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ nhất*) nên Hội đồng xét xử không xét xử được vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị H vắng mặt không có lý do (*vắng mặt lần thứ 2*). Vì vậy, căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

2. Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Đức T và chị Bùi Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 03/12/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Thạch Yên, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình nên hôn nhân giữa anh T và chị H là hôn nhân hợp pháp.

Trên cơ sở lời khai của anh T cho thấy quá trình chung sống anh T và chị H không có hạnh phúc do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã không thể hàn gắn được. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh T và chị H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.2. Về con chung: Anh T xác nhận không có.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác nhận không có tài sản chung và công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời gian luật định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 2; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Anh Bùi Đức T được ly hôn với chị Bùi Thị H.

2. Về con chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Đức T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001718 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Phong. Anh Bùi Đức T đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc ngày niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh HB;
- VKSND huyện CP;
- Chi cục THADS huyện CP;
- UBND xã Thạch Yên
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà